

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 238/2022/DS-PT

Ngày: 20-12-2022

V/v: Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Thẩm phán:

Ông **Nguyễn Thành Quang**

Bà **Đặng Thị Bích Vân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Đào Thị Ngọc Trâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất*”:

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 171/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Võ Văn Ph**, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Số 24, tổ 2, ấp Cù Tr, xã An S, huyện Kiên H, Kiên Giang. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn Ph: Luật sư **Trần Văn Ch** – Văn phòng luật sư Diệu H và Cộng sự Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông **Danh B**, sinh năm: 1957 (Chết)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Cù Tr, xã An S, huyện Kiên H, Kiên Giang

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Danh B:

1. Bà **Thị H**, sinh năm 1957. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Cù Tr, xã An S, huyện Kiên H, Kiên Giang

2. Ông **Danh V**, sinh năm 1978. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 12, ấp Hòa A, xã Mong Thọ B, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông **Danh V**, sinh năm 1983 và bà **Nguyễn Thị Bé Năm**, sinh năm 1987. Có mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên H, Kiên Giang

4. Ông **Danh Tr**, sinh năm 1987. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên H, Kiên Giang

5. Ông **Danh Đ**, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: Ấp Phước Tr, xã Mong Thọ B, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

6. Ông **Danh H**, sinh nam 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Phước Tr, xã Mong Thọ B, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

7. Bà **Danh Thị T**, sinh năm 1996. Có mặt

Địa chỉ: Ấp Phước Tr, xã Mong Thọ B, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hương**, sinh năm 1986. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên H, Kiên Giang

2. Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang

Địa chỉ: Ấp 1, xã Hòn Tr, huyện Kiên H, Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Văn L** – Chức vụ: Trưởng phòng kinh tế hạ tầng Phòng tài nguyên và môi trường huyện Kiên H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

3. Ban quản lý rừng Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Ngô Thành N** – Chức vụ: Phó giám đốc Ban quản lý rừng Kiên Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người làm chứng:

1. Ông **Hà Văn M**, sinh năm 1970. Vắng mặt

2. Bà **Huỳnh Thị D**, sinh năm 1971. Vắng mặt

3. Ông **Tống Văn H**, sinh năm 1966. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên H, Kiên Giang

4. Bà **Lữ Thị S**, sinh năm 1937. Vắng mặt

5. Bà **Võ Thị S**, sinh năm 1933. Vắng mặt

6. Ông **Phạm Thanh Việt**, sinh năm 1973. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp An C, xã An S, huyện Kiên H, Kiên Giang

7. Ông **Phạm Văn G**, sinh năm 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 1, xã Hòn Tr, huyện Kiên H, Kiên Giang

- *Người kháng cáo:* Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Danh B là ông **Danh V**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/03/2019 và các lời kH trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Văn Ph trình bày:**

Vào khoảng trước năm 1985 cha mẹ ông Ph là bà Nguyễn Thị Thử và ông Võ Văn Cầm có khai khẩn một diện tích đất, tọa lạc ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên H, tỉnh Kiên Giang trong đó có diện tích đất 1.202,2m²hiện được Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU400029 thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 09 cho ông Võ Văn Ph vào ngày 20/12/2017 (cha mẹ tặng cho ông Ph). Trong quá trình sử dụng đất, gia đình bà Th có trồng một số cây ăn trái, như xoài và me hiện tại vẫn còn trên đất.

Khoảng năm 2000, được sự giới thiệu của bà Lữ Thị S là chủ tịch xã An S thì mẹ ông Ph đồng ý cho gia đình ông Danh B ở nhờ trên phần đất nói trên. Việc ở nhờ chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản, chỉ có một số người chứng kiến, các bên có thỏa thuận khi nào phía bà Thử có nhu cầu sử dụng đất thì phía ông B phải trả đất. Trong quá trình ở nhờ trên đất, gia đình ông B có xây dựng một căn nhà tạm và hiện vợ chồng con ông B là Danh V, Nguyễn Thị Bé N sống trên diện tích đất này. Thời điểm cho ở nhờ, gia đình ông Ph chỉ đồng ý cho sử dụng diện tích đất đủ để xây dựng căn nhà, tuy nhiên trong quá trình sử dụng gia đình ông B đã mở rộng diện tích sử dụng như hiện tại, trong đó có nhà vệ sinh, vì nghĩ công trình này cũng nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày nên gia đình ông Ph đồng ý cho xây dựng. Quá trình sử dụng đất, gia đình ông Ph có mua khoảng 1.000 cây Bh đàn và có nhờ gia đình ông B trồng trên đất, và phía gia đình ông B có trồng thêm 1 số cây mít và tre trên cùng phần đất này.

Khoảng năm 2008, do gia đình ông B thuộc diện dân tộc ít người được chính quyền địa Ph hỗ trợ số T 9.000.000đ để xây dựng Nhà tình thương nên ông B có nhờ bà Lữ Thị S và đoàn công tác của xã đến trực tiếp động viên gia đình ông Ph tiếp tục cho ông B mượn đất để ông B đủ điều kiện được hỗ trợ T sửa chữa nhà, và được gia đình ông Ph đồng ý cho xây dựng nhà như hiện tại.

Nay ông Võ Văn Ph yêu cầu vợ chồng ông Danh V tháo dỡ toàn bộ căn nhà hiện tại đang ở để trả diện tích đất qua đo đạc thực tế là 299,8m² (theo đơn khởi kiện là 540m²) theo Tờ trích đo địa chính số TĐ 57-2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiên Hải nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 400029 cấp ngày 20/12/2017 cho ông Võ Văn Ph. Nếu vợ chồng ông V tự nguyện di dời thì vợ chồng ông Ph tự nguyện bồi thường công trình xây dựng, cây trồng trên đất và hỗ trợ di dời với tổng số tiền 100.000.000đ.

***Theo đơn phản tố đề ngày 22/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Danh B trình bày:**

Vào khoảng năm 2000 gia đình ông Danh B có khai khẩn được diện tích đất ngang khoảng 10m, dài khoảng 13m (theo đo đạc thực tế là 299,8m²).

Vào năm 2008 ông Danh B có làm một căn nhà diện tích ngang 5m, dài 9m và trồng một số cây ăn trái trên đất như xoài, dứa, me, mít. Trong quá trình khai khẩn cũng như canh tác trên đất không ai tranh chấp, sử dụng ổn định đến năm 2018 thì phía gia đình ông Ph yêu cầu di dời nhà và trả lại diện tích đất khoảng 500m² (Đo đạc thực tế là 299,8m²) hiện gia đình ông B đang quản lý, sử dụng nên ông B mới biết là ông Ph đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2017, trong khi ông B sử dụng từ năm 2000 mà không biết việc cấp giấy cho ông Ph. Nên ông B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 400029, thửa số 59, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.202,2m², tọa lạc tại ấp Củ Tron, xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Kiên Hải cấp cho ông Võ Văn Ph. Đồng thời yêu cầu công nhận diện tích đất ngang 10m, dài 13m (Đo đạc thực tế là 299,8m²) cho gia đình ông Danh B.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/03/2020 ông Danh B rút lại một phần đơn yêu cầu phản tố là rút lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ giữ lại yêu cầu công nhận diện tích đất của gia đình đang quản lý, sử dụng là 299,8m² theo tờ trích đo số TĐ 57-2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiên Hải.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Danh V trình bày: Diện tích đất hiện ông Võ Văn Ph đang tranh chấp do cha mẹ ông V KH khẩn từ năm 2000. Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông B không lập thủ tục hợp thức hóa quyền sử dụng đất, quá trình khai khẩn gia đình ông cũng không có văn bản của chính quyền địa Ph về việc tạm giao đất. Năm 2008 gia đình ông B được UBND xã An Sơn hỗ trợ số T 9.000.000đ theo Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 10/8/2008, để sửa chữa nhà, căn nhà có diện tích 45m² và 01 cái bếp với diện tích khoảng 09m². Hiện nay ông Danh B đã chết, ông Danh V là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông B, đồng thời là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất và nhà nên yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích đất hiện tại của gia đình đang quản lý sử dụng qua đo đạc thực tế là 299,8m² tọa lạc ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên H, tỉnh Kiên Giang là của ông Danh B.

2/ Bà Thị H, ông Danh V, ông Danh Tr, ông Danh Đ, ông Danh H, bà Danh Thị T trình bày: Thống nhất với phần trình bày của ông Danh V và của ông Danh B khi còn sống, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

3/ Bà Nguyễn Thị Bé N (Vợ ông Danh V) ủy quyền cho ông Danh V trình bày: Thống nhất với phần trình bày của ông Danh V, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

4/ Bà Nguyễn Thị Cẩm H (Vợ ông Ph): Thống nhất với lời trình bày của ông Võ Văn Ph, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

5/ Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang trình bày: Việc ông Võ Văn Ph được Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 400029 ngày 20/12/2017, diện tích 1.202,2m² (bao gồm luôn cả phần đất tranh chấp là 299,8m²), loại đất nông nghiệp là đúng đối tượng. Vì

đất có nguồn gốc sử dụng từ năm 1985 trước thời điểm quy hoạch, giao và cấp giấy chứng nhận cho Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển và bảo vệ biên giới (nay là Ban quản lý rừng Kiên Giang). Tuy nhiên, tại thời điểm cấp giấy cho ông Võ Văn Ph cán bộ thẩm định chưa xem xét hết hiện trạng trên đất có nhà ông B. Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

6/ Ban quản lý rừng Kiên Giang ủy quyền cho ông Ngô Thành N trình bày: Thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 400029, thửa số 59, tờ bản đồ số 07 tọa lạc ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên H do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải cấp cho ông Võ Văn Ph ngày 20/12/2017 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho Ban quản lý rừng PHVB&BVBG (Nay là BQL rừng Kiên Giang) theo Quyết định số 4041/QĐ-UB ngày 31/12/1998. Tuy nhiên, diện tích đất trên đã được quy hoạch đưa ra khỏi đất rừng tại Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 18/4/2011 của UBND huyện Kiên Hải, về việc điều chỉnh quy hoạch đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện Kiên Hải đã thông qua các cấp có thẩm quyền, được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt theo Quyết định 1716/QĐ-UBND ngày 16/8/2012 về việc phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2011 – 2020. Đối với diện tích 1.202,2m² đã được cấp giấy chứng nhận cho ông Võ Văn Ph tại số BU 400029 tọa lạc ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên Hải: Hiện nay UBND huyện Kiên Hải đã thống nhất đưa ra khỏi đất rừng tại Báo cáo số 05/BC-UBND ngày 14/01/2021 của UBND huyện Kiên Hải về việc rà soát thống nhất ranh giới diện tích đất rừng trên địa bàn huyện Kiên Hải để thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng Kiên Giang.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 121, Điều 256 Bộ Luật dân sự 2005;

- Áp dụng Điều 166 Luật đất đai 2013;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Ph về việc đòi ông Danh B và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Danh B là bà Thị H, ông Danh V cùng vợ là Nguyễn Thị Bé N, ông Danh V, ông Danh Tr, ông Danh Đ, ông Danh H và bà Danh Thị T trả lại quyền sử dụng đất có diện tích đất diện tích là 299,8m² theo tờ trích đo địa chính số TĐ 57-2019 ngày 12/12/2019 có vị trí các cạnh như sau:

+ Cạnh 8-9 dài 13,60m giáp đất ông Võ Văn Ph;

+ Cạnh 9-10 dài 25,64m giáp đất ông Võ Văn Ph;

+ Cạnh 10-11 dài 17,64m giáp biên giải tỏa đường quanh đảo An S;

+ Cạnh 11-8 dài 14,38m giáp đất bà Nguyễn Thị Y;

Tọa lạc tại ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên H, tỉnh Kiên Giang.

Cho ông Võ Văn Ph.

- Buộc ông Danh V và bà Nguyễn Thị Bé Năm (đang sinh sống trong căn nhà của ông B để lại) di dời toàn bộ nhà cửa và công trình có trên đất có liên quan để trả lại đất cho ông Võ Văn Ph trong thời hạn 6 (S) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn Ph bồi thường T nhà, vật kiến trúc, công trình trên đất và cây cối, hoa màu trên đất cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Danh B là bà Thị H, ông Danh V cùng vợ là Nguyễn Thị Bé N, ông Danh V, ông Danh Tr, ông Danh Đ, ông Danh H và bà Danh Thị T số T là 100.000.000đ.

3. Không chấp nhận phản tố của ông Danh B và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Danh B là bà Thị H, ông Danh V cùng vợ là Nguyễn Thị Bé Năm, ông Danh V, ông Danh Tr, ông Danh Đ, ông Danh H và bà Danh Thị T về việc công nhận diện tích đất 299,8m² theo tờ trích đo địa chính số TĐ 57-2019 ngày 12/12/2019 có vị trí các cạnh như sau:

- + Cạnh 8-9 dài 13,60m giáp đất ông Võ Văn Ph;
- + Cạnh 9-10 dài 25,64m giáp đất ông Võ Văn Ph;
- + Cạnh 10-11 dài 17,64m giáp biên giải tỏa đường quanh đảo An S;
- + Cạnh 11-8 dài 14,38m giáp đất bà Nguyễn Thị Y;

Tọa lạc tại ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên H, tỉnh Kiên Giang.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Danh B và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Danh B là bà Thị H, ông Danh V cùng vợ là Nguyễn Thị Bé N, ông Danh V, ông Danh Tr, ông Danh Đ, ông Danh H và bà Danh Thị T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 400029, thửa số 59, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.202,2m², tọa lạc tại ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên H, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Kiên Hải cấp cho ông Võ Văn Ph.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 07/7/2022, ông Danh V có đơn kháng cáo yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 299,8 m² tọa lạc tại ấp Củ Tron, xã An Son, huyện Kiên Hải cho gia đình ông sử dụng (Phần đất này nằm trong diện tích đất 1.202,2 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 400029 cấp ngày 20/12/2017). Đồng thời bác yêu cầu công nhận phần đất này cho ông Võ Văn Ph.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Danh V giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của ông.

Nguyên đơn ông Võ Văn Ph không có kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn Ph trình bày:
Tại phiên tòa phúc thẩm ông Ph giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Gia đình ông Danh B có yêu cầu phản tố. Danh V có kháng cáo. Xét về nguồn gốc đất là của cha mẹ ông Ph KH phá. Năm 2000 bà Lữ Thị S đến vận động gia đình cha mẹ ông Ph cho gia đình ông B ở nhờ, việc ở nhờ chỉ nói miệng không lập thành văn bản, có một số người chứng kiến.

Trong quá trình ở nhờ, gia đình ông Ph có nhờ gia đình ông B trồng khoảng 1000 cây Bh đàn, cây Bh đàn có trồng trên đất tranh chấp nhưng đã chết hết chỉ còn gốc.

Năm 2008, bà Lữ Thị S có đến gia đình ông Ph vận động cho gia đình ông B tiếp tục mượn đất để được chính quyền hỗ trợ cất nhà tình thương cho gia đình ông B. Năm 2018 ông Ph yêu cầu đòi lại đất và xảy ra tranh chấp. Tại biên bản hòa giải của xã An sơn, ông B cũng công nhận là ở nhờ. Nay ông Võ Văn Ph yêu cầu gia đình ông Danh B trả lại đất là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 166 Luật đất đai và Điều 256 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Danh V, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang về phần án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công KH tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Danh V về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã được niêm yết hợp lệ.

Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử phúc thẩm theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Danh V yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 299,8 m² tọa lạc tại ấp Củ Tron, xã An Sơn, huyện Kiên Hải cho gia đình ông sử dụng (Phần đất này nằm trong diện tích đất 1.202,2 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 400029 cấp ngày 20/12/2017). Đồng thời bác yêu cầu công nhận phần đất này cho ông Võ Văn Ph.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Thử và ông Cầm (cha mẹ ruột ông Ph) khai phá từ trước năm 1985 và có trồng cây cối hoa màu trên đất, vào khoảng năm 2000 được sự giới thiệu và giúp đỡ của bà Lữ Thị S là chủ tịch xã An Sơn dẫn ông B đến nhà bà Th và ông C để mượn đất ở nhờ, đến lần thứ 3 thì bà Th mới cho ông B mượn đất cất nhà ở (Lời khai bà Lữ Thị S BL78, bà Võ Thị S BL79). Đến năm 2008 tại xã có chương trình hỗ trợ sửa chữa nhà cho ông Danh B nên ông B có nhờ chính quyền địa Ph đến gặp bà Thử để xin tiếp tục cho ở nhờ và sửa chữa lại nhà để nhà nước hỗ trợ T 9.000.000đ sửa chữa nhà. Chính quyền địa Ph có đến gặp bà Thử để trao đổi và được bà Thử đồng ý để cho ông B ở nhờ (Lời KH ông Phạm Thành Việt Phó chủ tịch BL81, ông Trần Hoàng Lam BL80 và Tống Văn Hoàng BL77). Đến năm 2017 bà Thử tặng cho toàn bộ phần đất cho con trai là Võ Văn Ph (Bao gồm luôn cả diện tích đất tranh chấp) và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 400029, thửa số 59, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.202,2m², tọa lạc tại ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên H, tỉnh Kiên Giang cho ông Võ Văn Ph. Năm 2018 ông Ph yêu cầu ông Danh B di dời nhà trả lại đất, ông B không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

- Xét thấy yêu cầu của ông Ph đòi ông Danh B và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Danh B là ông Danh V cùng vợ là Nguyễn Thị Bé N (Đang quản lý sử dụng nhà và đất) và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan (Vợ và các con của ông Danh B) di dời nhà và trả lại diện tích đất tranh chấp 299,8m² cho ông Võ Văn Ph là có cơ sở theo quy định tại Điều 166 Luật đất đai 2013 và Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005. Do đó, đối với yêu cầu của ông Danh B và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Danh B đòi công nhận diện tích đất 299,8m² cho gia đình ông Danh B là không có cơ sở để chấp nhận.

Mặt khác, Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang trình bày: Việc ông Võ Văn Ph được Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 400029 ngày 20/12/2017, diện tích 1.202,2m² (Bao gồm luôn cả phần đất tranh chấp là 299,8m²), loại đất nông nghiệp là đúng đối tượng. Vì đất có nguồn gốc sử dụng từ năm 1985 trước thời điểm quy hoạch, giao và cấp giấy chứng nhận cho Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển và bảo vệ biên giới (Nay là Ban quản lý rừng Kiên Giang). Tuy nhiên, tại thời điểm cấp giấy cho ông Võ Văn Ph cán bộ thẩm định chưa xem xét hết hiện trạng trên đất có nhà ông B

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến của vị Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Danh V. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang về phần án phí.

Đối với yêu cầu phản tố ngày 22/8/2019 của ông Danh B, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU400029, thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 09 được UBND huyện Kiên Hải cấp ngày 20/12/2017 cho ông Võ Văn Ph; đồng thời yêu cầu công nhận phần diện tích hiện tại gia đình ông đang quản lý sử dụng qua đo đạc thực tế là 299,8m². Đến ngày 10/3/2020, ông B yêu cầu được rút một phần nội dung phản tố về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BU400029 được UBND huyện Kiên Hải cấp cho ông Võ Văn Ph. Do đó, cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Danh B và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[4] Về lệ phí, chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.370.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn) và chi phí định giá là 10.384.000đ (Mười triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng), Nguyên đơn ông Võ Văn Ph đã nộp và tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thị H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cấp sơ thẩm tuyên là không phù hợp quy định của pháp luật và cần rút kinh nghiệm về vấn đề này. Ông Danh V cùng vợ là Nguyễn Thị Bé N, ông Danh V, ông Danh Tr, ông Danh Đ, ông Danh H và bà Danh Thị T liên đới phải chịu án phí với số T là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí ông Danh B đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0004591 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Bà H, ông V, bà Năm, ông V, ông Tr, ông Đ, ông H, bà T không phải nộp thêm án phí.

- Hoàn trả lại cho ông Võ Văn Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu số 0004579 ngày 30/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Danh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007009 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Danh V.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang về phần án phí.

- Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 121, Điều 256 Bộ Luật dân sự 2005;

- Áp dụng Điều 166 Luật đất đai 2013;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Ph về việc đòi ông Danh B và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Danh B là bà Thị H, ông Danh V cùng vợ là Nguyễn Thị Bé N, ông Danh V, ông Danh Tr, ông Danh Đ, ông Danh H và bà Danh Thị T trả lại quyền sử dụng đất có diện tích đất diện tích là 299,8m² theo tờ trích đo địa chính số TĐ 57-2019 ngày 12/12/2019 có vị trí các cạnh như sau:

+ Cạnh 8-9 dài 13,60m giáp đất ông Võ Văn Ph;

+ Cạnh 9-10 dài 25,64m giáp đất ông Võ Văn Ph;

+ Cạnh 10-11 dài 17,64m giáp biên giải tỏa đường quanh đảo An S;

+ Cạnh 11-8 dài 14,38m giáp đất bà Nguyễn Thị Y;

Tọa lạc tại ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên H, tỉnh Kiên Giang.

Cho ông Võ Văn Ph.

- Buộc ông Danh V và bà Nguyễn Thị Bé Năm (Đang sinh sống trong căn nhà của ông B để lại) di dời toàn bộ nhà cửa và công trình có trên đất có liên quan để trả lại đất cho ông Võ Văn Ph trong thời hạn 6 (S) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn Ph bồi thường tiền nhà, vật kiến trúc, công trình trên đất và cây cối, hoa màu trên đất cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Danh B là bà Thị H, ông Danh V cùng vợ là Nguyễn Thị Bé N, ông Danh V, ông Danh Tr, ông Danh Đ, ông Danh H và bà Danh Thị T số T là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

3. Không chấp nhận phản tố của ông Danh B và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Danh B là bà Thị H, ông Danh V cùng vợ là Nguyễn Thị Bé N, ông Danh V, ông Danh Tr, ông Danh Đ, ông Danh H và bà Danh Thị T về việc công nhận diện tích đất 299,8m² theo tờ trích đo địa chính số TĐ 57-2019 ngày 12/12/2019 có vị trí các cạnh như sau:

+ Cạnh 8-9 dài 13,60m giáp đất ông Võ Văn Ph;

+ Cạnh 9-10 dài 25,64m giáp đất ông Võ Văn Ph;

+ Cạnh 10-11 dài 17,64m giáp biên giải tỏa đường quanh đảo An S;

+ Cạnh 11-8 dài 14,38m giáp đất bà Nguyễn Thị Y;

Tọa lạc tại ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên H, tỉnh Kiên Giang.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Danh B và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Danh B là bà Thị H, ông Danh V cùng vợ là Nguyễn Thị Bé N, ông Danh V, ông Danh Tr, ông Danh Đ, ông Danh H và bà Danh Thị T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 400029, thửa số 59, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.202,2m², tọa lạc tại ấp Củ Tr, xã An S, huyện Kiên H, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Kiên Hải cấp cho ông Võ Văn Ph.

5. Về lệ phí, chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.370.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn) và chi phí định giá là 10.384.000đ (Mười triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng), nguyên đơn ông Võ Văn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

6. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Danh V cùng vợ là Nguyễn Thị Bé N, ông Danh V, ông Danh Tr, ông Danh Đ, ông Danh H và bà Danh Thị T liên đới phải chịu án phí với số T là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí ông Danh B đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0004591 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Bà H, ông V, bà Năm, ông V, ông Tr, ông Đ, ông H, bà T không phải nộp thêm án phí.

- Hoàn trả lại cho ông Võ Văn Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu số 0004579 ngày 30/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Danh V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007009 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THA dân sự huyện Kiên Hải
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha